TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 750/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2023
V/v " Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Quốc Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thủy T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

HKTT: Số 219 L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 263/14B đường T, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1976

HKTT: Số 219 L, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 263/14B đường T, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thủy T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2013 ngày 19/3/2013. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống trái ngược nhau, cả hai không có tiếng nói chung nên cả hai đã sống ly thân nhau. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông V, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn cùng ông Vũ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T và ông V có một con chung là Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 29/6/2013. Bà xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Tiên khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn Anh V vắng mặt không lý do

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thủy T về việc xin ly hôn ông Nguyễn Anh V.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 29/6/2013 cho bà Tiên nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V do bà Tiên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà T xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Tiên khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 03/4/2023 của bà Lê Thủy T và ông Nguyễn Anh V, Tòa án đã thụ lý việc dân sự. Ngày 20/4/2023 bà Tiên có đơn xin ly hôn với ông V vì ông V không đến Tòa án giải quyết đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, Tòa án đã Thông báo áp dụng thủ tục giải quyết vụ án dân sự, hồ sơ việc dân sự thụ lý số 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" sẽ được áp dụng thủ tục giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2023 về việc "tranh chấp ly hôn".

Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thủy T yêu cầu ly hôn cùng ông Nguyễn Anh V, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Nguyễn Anh V có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Lê Thủy T có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Anh V đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T và ông V theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2013 ngày 19/3/2013 Ủy ba nhân dân xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Lê Thủy T và ông Nguyễn Anh V là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Lê Thủy T trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau, cả hai không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân nhau.

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 03/4/2023 của bà Lê Thủy T và ông Nguyễn Anh V thì ông V cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhau và muốn ly hôn cùng bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V mâu thuẫn thực tế có xảy ra vì cả hai đều thừa nhận. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa nhưng ông V vắng mặt thể hiện ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu…có nghĩa

vụ sống chung…". Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà T và ông V có 01 con chung là Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 29/6/2013. Bà T xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Tuấn A có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao trẻ Tuấn A cho bà T nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V do bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà T và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của bà Tiên được Tòa án chấp nhận nên bà T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ 150.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0013813 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T còn phải chịu án phí là 150.000 đồng.

Sung quỹ Nhà nước số tiền 150.000 đồng còn lại theo biên lai thu số 0013813 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú do ông Nguyễn Anh V nộp theo qui quy định tại khoản 5 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thủy T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thủy T được ly hôn với ông Nguyễn Anh V. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2013 ngày 19/3/2013 Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Tuấn A, sinh ngày 29/6/2013. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V do bà T không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông V hoặc bà T, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tiên phải chịu án phí về ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ 150.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0013813 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tiên còn phải chịu án phí là 150.000 đồng.

Sung quỹ Nhà nước số tiền 150.000 đồng còn lại theo biên lai thu số 0013813 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND nơi đặng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Trúc Lý